



xīng qī

星期

Noun · week

Example Sentences

yī gè xīng qī yǒu qī tiān
一个星期有七天。

There are seven days in a week.

xià xīng qī wǒ yào qù běi jīng
下星期我要去北京。

I am going to Beijing next week.

wǒ měi gè xīng qī dū huì qù tú shū guǎn kàn shū
我每个星期都会去图书馆看书。

I go to the library to read books every week.

Trace each character, then write the word on your own.

星	星	星	星	星	星	星	星	星	星	星
星										
期	期	期	期	期	期	期	期	期	期	期
期	期	期	期							